

TỈNH HÀ NAM

1. Thông tin chung

Hà Nam nằm ở tọa độ địa lý trên 20° vĩ độ Bắc và giữa 105° - 110° kinh độ Đông, phía Tây - Nam châu thổ sông Hồng, trong vùng trọng điểm phát triển kinh tế Bắc Bộ.

Tỉnh Hà Nam cách thủ đô Hà Nội hơn 50 km, là cửa ngõ phía nam của thủ đô, tiếp giáp với các tỉnh:

- Phía bắc giáp với tỉnh Hà Tây.
- Phía đông giáp với Hưng Yên và Thái Bình.
- Phía nam giáp Nam Định và Ninh Bình.
- Phía tây giáp Hòa Bình.

Vị trí địa lý này tạo rất nhiều thuận lợi cho phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh. Với việc nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc - Nam, trên địa bàn tỉnh có quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam chạy qua với chiều dài gần 50 km và các tuyến đường giao thông quan trọng khác như quốc lộ 21, quốc lộ 21B, quốc lộ 38. Hơn 4.000 km đường bộ bao gồm các đường quốc lộ, tỉnh lộ cùng các tuyến giao thông liên huyện, liên xã, thị xã, thị trấn đã được rải nhựa hoặc bê tông hóa, hơn 200 km đường thủy có luồng lạch đi lại thuận tiện với 42 cầu đường đã được xây dựng kiên cố và hàng nghìn km đường giao thông nông thôn tạo thành một mạng lưới giao thông khép kín, tạo điều kiện thuận lợi về đi lại và vận chuyển hàng hóa cho các phương tiện cơ giới.

Vị trí chiến lược quan trọng cùng hệ thống giao thông thủy, bộ, sắt tạo cho Hà Nam lợi thế rất lớn trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học - kỹ thuật với các tỉnh trong vùng và cả nước, đặc biệt là với thủ đô Hà Nội và vùng trọng điểm phát triển kinh tế Bắc Bộ.

2. Dân số và lao động

➤ Dân số tỉnh Hà Nam tính đến 31/12/2015 có 802.705 người. Trong đó, dân số thành thị là 124.617 người, chiếm 15,52%, dân số nông thôn là 678.088 người, chiếm 84,48%. Mật độ dân số của tỉnh đạt 931 người/km², cao nhất là thành phố Phủ Lý với tỷ 1.595 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh hàng năm là 8,5‰.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tỷ suất sinh thô liên tục tăng dù chậm, từ 14,8‰ năm 2010 lên 16‰ năm 2015.

Số người trong độ tuổi lao động của tỉnh năm 2015 là 473.650 người (chiếm 59,01% dân số toàn tỉnh), đạt tốc độ tăng bình quân 0,62%/năm. Giai đoạn 2010 - 2015, Số lao động được tạo việc làm là 464.180 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 20,7%. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn 2%.

➤ Quy hoạch đến năm 2020, đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cơ bản, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, theo đó:

- Giải quyết việc làm mới bình quân 16.000 lao động/năm. Năng suất lao động đạt 140 triệu đồng/người.

- Đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 3,3%.

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân 0,1‰/năm.

- Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp đạt 55%.

- Tỷ trọng lao động trong sản xuất nông nghiệp còn dưới 30%

3. Cơ cấu kinh tế tỉnh

➤ Giai đoạn 2010 - 2015, Hà Nam đã đạt được các thành tựu quan trọng làm tiền đề cho phát triển giai đoạn sau. Tổng sản phẩm (GRDP) toàn tỉnh (theo giá so sánh 2010) năm 2010 đạt 13.339,6 tỷ đồng, năm 2015 đạt 22.156,9 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân 10,68%/năm. Sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh thể hiện ở cả 3 lĩnh vực trong sản xuất, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng cao nhất (15,43%/năm), khu vực nông lâm nghiệp thủy sản có tốc độ tăng trưởng thấp nhất (1,57%/năm). Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Nam luôn đạt mức cao trong số các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng.

GDP bình quân đầu người trong tỉnh có tốc độ tăng khá nhanh, năm 2010 đạt 16,96 triệu đồng, năm 2015 đạt 42,36 triệu đồng (hơn gấp đôi - tăng 25,4 triệu đồng so với năm 2010).

Cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch hợp lý, phù hợp với xu thế chung của cả nước và phát huy được lợi thế so sánh về vị trí địa lý và tiềm năng của tỉnh. Tăng mạnh giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng, giảm nhẹ dịch vụ, du lịch và nông lâm nghiệp thủy sản. Năm 2010, nông lâm thủy sản đạt 21,36%, công nghiệp và xây dựng đạt 48,1%, dịch vụ và du lịch đạt 30,55%. Năm 2015, tỷ trọng tương ứng là: 13,9%; 59,35%; 26,76%.

Thu ngân sách năm 2015 trên toàn tỉnh là 4.974,32 tỷ đồng, chi ngân sách năm 2015 toàn tỉnh là 6.592,37 tỷ đồng. Để có thể tiến tới đóng góp vào ngân sách Nhà nước hơn nữa, tỉnh đang có những bước đi hiệu quả trong việc đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

➤ Định hướng phát triển giai đoạn 2016 - 2020:

- Tổng giá trị sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng bình quân 10%/ năm (giá so sánh 2010).

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Nông, lâm nghiệp: 9,1%, công nghiệp - Xây dựng: 59,3%, dịch vụ: 31,6%

- Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 80,9 triệu đồng/người.

- Thu cân đối ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 15,2%/năm; đến năm 2020 đạt 7.040 tỷ đồng.

- Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 20%/năm.

- Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng bình quân 15,5%/năm.

4. Cơ cấu giá trị sản xuất nông lâm thủy sản

➤ Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Hà Nam giai đoạn 2010 - 2015 chuyển dịch theo hướng tăng nhẹ tỷ trọng ngành thủy sản và giảm nhẹ tỷ trọng khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp. Cụ thể, năm 2010 cơ cấu khu vực nông nghiệp theo ngành nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản lần lượt là 91,01% - 0,32% - 8,67% thì đến năm 2015 cơ cấu ngành có sự thay đổi như sau: tỷ trọng ngành nông nghiệp của tỉnh giảm xuống 90,97%; trong khi đó, tỷ trọng ngành thủy sản tăng lên chiếm 8,85% tổng giá trị sản xuất toàn ngành; ngành lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong khu vực nông nghiệp (chiếm 0,18% tổng giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp).

Ngành nông nghiệp tốc độ tăng bình quân 2,11%/năm giai đoạn 2010 - 2015 trong đó tăng chủ yếu ở lĩnh vực chăn nuôi (4,8%/năm), dịch vụ tăng 2,59%/năm, trồng trọt giảm 0,02%/năm. Cũng như nhiều tỉnh khác ở đồng bằng sông Hồng, ngành lâm nghiệp có tốc độ giảm bình quân 8,57%/năm. Trong nội bộ ngành lâm nghiệp, có hai lĩnh vực tăng đó là lĩnh vực trồng và chăm sóc rừng đạt 7,58%/năm và lĩnh vực dịch vụ lâm nghiệp đạt 4%/năm trong giai đoạn 2010 - 2015, các lĩnh vực còn lại đều giảm như: lĩnh vực khai thác gỗ và lâm sản khác giảm 10,57%/năm, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác giảm 20,03%/năm. Ngành thủy sản đạt tốc độ tăng trưởng 2,53%/năm

Trong nội bộ ngành nông nghiệp, cơ cấu giá trị sản xuất giữa trồng trọt và chăn nuôi có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, trồng trọt có xu hướng giảm (từ 55,7% năm 2010 xuống còn 50,13% năm 2015), lĩnh vực chăn nuôi có xu hướng tăng (từ 39,22% năm 2010 lên 44,67% năm 2015). Cơ cấu ngành dịch vụ tăng tương đối ít từ 5,08% năm 2010 lên 5,20% năm 2015.

Trong ngành lâm nghiệp, tỷ trọng trồng, chăm sóc rừng và dịch vụ tăng dần, giảm dần tỷ trọng khai thác gỗ cũng như các sản phẩm khác. Tỷ trọng khai thác gỗ giảm từ 84,34% năm 2010 xuống 75,52% năm 2015, tỷ trọng khai thác lâm sản ngoài gỗ giảm từ 5,03% năm 2010 còn 2,57% năm 2015.

Trong nội bộ ngành thủy sản, tỷ trọng khai thác thủy sản từ tự nhiên giảm dần (từ 4,97% năm 2010 còn 2,59% năm 2015) và tăng dần tỷ trọng nuôi trồng thủy sản (từ 95,03% năm 2010 lên 97,41% năm 2015).

➤ Định hướng giai đoạn 2016 - 2020:

- Giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá so sánh 2010 giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân từ 4%/năm trở lên.

- Tỷ trọng nông nghiệp còn 9,1% trong tổng cơ cấu kinh tế

- Trong nội bộ ngành nông nghiệp, tỷ trọng chăn nuôi thủy sản chiếm 54% trong giá trị sản xuất nông nghiệp.

5. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp

➤ Năm 2015, tổng diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 54.055,4 ha chiếm 62,7% tổng diện tích toàn tỉnh. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp là 42.607,9 ha chiếm 78,82% tổng diện tích đất nông nghiệp, bao gồm:

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm là 39.119 ha, chiếm 91,81% diện tích đất sản xuất nông nghiệp với diện tích đất trồng lúa là 34.171,6 ha, chiếm 87,35% diện tích trồng cây hàng năm.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm có 3.488,9 ha, chiếm 8,19% diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

- Đất lâm nghiệp có diện tích 5.309,4 ha, chiếm 9,82% tổng diện tích đất nông nghiệp, bao gồm:

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 851,5 ha.

+ Diện tích đất rừng phòng hộ là 4.457,9 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 4.617,7 ha, chiếm 8,54% tổng diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nông nghiệp khác có 1.502,4 ha.

➤ Theo quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, đến năm 2020 diện tích đất nông nghiệp của tỉnh có 46.956 ha, giảm 7.099,4 ha so với năm 2015. Trong đó:

- Diện tích đất lúa sẽ giảm 3.581,6 ha còn 30.590 ha. Đất trồng cây lâu năm có 3.052 ha, giảm 436,9 ha.

- Diện tích đất lâm nghiệp còn 4.973 ha, giảm 336,4 ha.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 1.157,7 ha còn 3.460 ha vào năm 2020.

- Diện tích đất nông nghiệp khác tăng 341,6 ha lên 1.520,4 ha.

6. Ngành trồng trọt

➤ Giai đoạn 2010 - 2015, cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Hà Nam không có sự chuyển dịch nhiều. Trong nhóm cây hàng năm, giá trị cây rau, đậu có xu hướng tăng (từ 16,56% năm 2010 lên 21,92% năm 2015) và ổn định giá trị cây lương thực có hạt (từ 68,95% năm 2010 đến 68,01% năm 2015), giảm tỷ lệ giá trị sản xuất cây công nghiệp hàng năm (từ 6,99% năm 2010 xuống còn 2,63% năm 2015).

Cơ cấu giá trị sản xuất nhóm cây lâu năm: giá trị sản xuất nhóm cây ăn quả có xu hướng giảm nhẹ (từ 5,83% năm 2010 xuống còn 5,69% năm 2015), cây công nghiệp lâu năm tăng không đáng kể (từ 0,05% năm 2010 lên 0,07% năm 2015).

Giá trị sản xuất/ha đất trồng trọt năm 2015 đạt 87,2 triệu đồng, tăng 14,6 triệu đồng so với năm 2010.

➤ Đến năm 2020, giá trị sản xuất trong trồng trọt đạt 240 triệu đồng/ha/năm. Thực hiện chuyển đổi hình thức tổ chức sản xuất gắn với tích tụ ruộng đất để phát triển nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao, bền vững;

Quy hoạch, sử dụng 3.000 ha đất chuyên canh ứng dụng công nghệ cao để trồng rau củ quả sạch.

7. Ngành chăn nuôi

➤ Cơ cấu giá trị sản xuất của nhóm gia súc (trâu, bò, lợn) có xu hướng tăng từ 61,96% năm 2010 lên 64,41% năm 2015. Cơ cấu giá trị sản xuất của nhóm gia cầm giảm từ 35,94% năm 2010 xuống còn 33,17% năm 2015. Như vậy tỉnh Hà Nam là một trong số ít những tỉnh trên cả nước giảm giá trị sản xuất của gia cầm và phát triển giá trị sản xuất của gia súc.

Giai đoạn 2010 - 2015, quy mô đàn trâu và bò tại tỉnh Hà Nam có xu thế giảm nhưng quy mô đàn gia cầm và đàn lợn tăng nên tổng sản lượng thịt hơi các loại vẫn có xu thế tăng, với tốc độ tăng bình quân 4,88%/năm. Sản lượng thịt hơi năm 2015 đạt 80.134,8 tấn. Chất lượng đàn vật nuôi của Hà Nam ngày càng được nâng cao, kể cả chất lượng con giống và kỹ thuật chăn nuôi.

➤ Quy hoạch đến năm 2020: tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi, thủy sản đạt 57,8% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (ngành hẹp).

- Chăn nuôi lợn: Phát triển theo hướng ổn định tổng đàn song tăng dần về sản lượng thịt xuất chuồng. Đến năm 2020 đạt 720 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 85.300 tấn. Đến năm 2025 đạt 730 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 95.000 tấn. Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng gia trại, trang trại tập trung xa khu dân cư, chủ yếu tại huyện Bình Lục, Lý Nhân.

- Chăn nuôi trâu, bò thịt, bò sữa: Đến năm 2020: Đàn trâu toàn tỉnh là 3.580 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 155 tấn; đàn bò thịt 36.000 con, sản lượng khoảng 2.750 tấn; đàn bò sữa 15.000 con, sản lượng sữa khoảng 72 triệu lít/năm. Đến năm 2025: Đàn trâu giảm còn 3.350 con, sản lượng khoảng 150 tấn; quy mô đàn bò thịt tăng lên 50.000 con, sản lượng khoảng 4.000 tấn; đàn bò sữa tăng lên 20.000 con, sản lượng sữa đạt khoảng 100 triệu lít/năm.

Quy mô đàn bò sữa tập trung phát triển tại các huyện Duy Tiên, Lý Nhân, Kim Bảng, Thanh Liêm.

- Chăn nuôi gia cầm: Đến năm 2020, tổng đàn gia cầm đạt 7,35 triệu con, sản lượng thịt xuất chuồng đạt 19.400 tấn. Đến năm 2025 đạt khoảng 8,05 triệu con, sản lượng thịt xuất chuồng là 22.000 tấn. Địa bàn trọng điểm chăn nuôi gia cầm tại các huyện: Bình Lục, Lý Nhân, Kim Bảng, Duy Tiên; đến năm 2025 tỷ lệ gia cầm được chăn nuôi tập trung đạt trên 70%.

- Các vật nuôi khác: Xây dựng một số mô hình con nuôi mới trên địa bàn các huyện: chăn nuôi ong ở Duy Tiên, Bình Lục, Kim Bảng; rắn, baba ở Duy Tiên. Phát triển đàn dê, tiến tới xây dựng thương hiệu dê núi Hà Nam: Đến năm 2020 tổng đàn đạt 20.000 con; đến năm 2025 tổng đàn đạt 30.000 con, tập trung chủ yếu ở huyện Kim Bảng và Thanh Liêm.

8. Ngành thủy sản

➤ Năm 2015, diện tích nuôi trồng thủy sản tỉnh Hà Nam đạt 6.039,4 ha, giảm 124,9 ha so với năm 2010, tuy nhiên sản lượng nuôi trồng đạt 21.595 tấn, tăng 2.193 tấn so với năm 2011, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,71%/năm.

Năm 2015, sản lượng thủy sản khai thác đạt 589 tấn (giảm 391 tấn so với năm 2011), tỷ trọng chiếm 2,66% trong tổng sản lượng thủy sản.

Tính chung năm 2015, sản lượng thủy sản đạt 6.628,4 tấn, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,14%/năm giai đoạn 2010 - 2015.

➤ Quy hoạch đến năm 2020:

Phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung theo hướng thâm canh cao trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học về giống, kỹ thuật nuôi, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, nhằm tăng năng suất và đa dạng hóa loài nuôi. Sản phẩm chủ lực là các loại cá truyền thống (trắm cỏ, chép lai...), các loại thủy đặc sản có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao, như cá Diêu hồng, Trắm đen, cá Lăng, Ba ba, Lươn... Đến năm 2020, phân đầu sản lượng nuôi trồng đạt 23.450 tấn. Đến năm 2025, sản lượng nuôi trồng đạt 24.500 tấn.

Phát triển các vùng nuôi cá Trắm đen cung cấp nguyên liệu chế biến đặc sản cá kho Nhân Hậu tại huyện Lý Nhân và một số xã của huyện Bình Lục. Nuôi cá lồng với các giống đặc sản tại các xã ven sông Hồng của huyện Duy Tiên và Lý Nhân.

9. Ngành lâm nghiệp

➤ Năm 2015, lĩnh vực khai thác lâm sản và lâm sản khác chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm 75,52%, trồng và chăm sóc rừng chiếm 10,62%, thu nhặt sản phẩm từ rừng chiếm 2,57%, dịch vụ lâm nghiệp chiếm 11,2%. Cơ cấu GTSX chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khai thác và lâm sản khác cùng lĩnh vực thu nhặt sản phẩm từ rừng, giảm tỷ trọng trồng và chăm sóc rừng, dịch vụ lâm nghiệp.

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng tỉnh Hà Nam năm 2015 đạt 5.309,4 ha (rừng sản xuất đạt 851,5 ha, rừng phòng hộ đạt 4.457,9 ha), trong đó diện tích rừng hiện có đạt 4.755 ha (rừng tự nhiên đạt 3.120 ha, rừng trồng đạt 1.635 ha). Sản lượng khai thác năm 2015 để lấy gỗ là 2.005,3 m³ giảm 1.844,7 m³ so với năm 2010, để lấy củi là 3.502,3 ste, giảm 2.356,7 ste so với năm 2010.

➤ Quy hoạch đến năm 2020:

Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thống nhất giữa bản đồ và thực địa, xây dựng khu bảo tồn; chú trọng công tác trồng mới, trồng lại rừng sau khai thác, trồng cây phân tán...Diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp năm 2020 là 4.888,86 ha, năm 2025 là 4.216,61 ha.

Giai đoạn 2016 - 2020: bảo vệ 3.774,8 ha, khai thác và trồng lại 300 ha rừng sản xuất, trồng 1,5 triệu cây phân tán.

Giai đoạn 2021 - 2025: bảo vệ 4.216,6 ha, khai thác và trồng lại 500 ha rừng sản xuất, trồng 1,5 triệu cây phân tán.

10. Ngành sản xuất muối

11. Ngành thủy lợi

➤ Hệ thống thủy lợi tỉnh Hà Nam gồm các khu sau:

- Khu thủy lợi Bán sơn địa Hữu Đáy: toàn khu có 22 trạm bơm, trong đó có 9 trạm bơm tưới, 3 trạm bơm tiêu và 11 trạm bơm tưới tiêu kết hợp. Kênh tưới cấp I, II: L=44,87 km. Kênh tiêu cấp I, II: L= 31,7 km; 20 công tưới cấp 2; 29 công tiêu cấp 2. Diện tích tưới thực tế toàn khu chỉ đạt 2137ha, chiếm 68,9% diện tích canh tác. Diện tích tiêu thực tế được 3237ha chiếm 82% diện tích cần tiêu.

- Khu thủy lợi Tả đáy- Bắc Châu: Trong khu có 40 trạm bơm, trong đó có 4 trạm bơm tưới, 10 trạm bơm tiêu và 26 trạm bơm tưới tiêu kết hợp cùng với mạng lưới kênh mương. Có hai đập điều tiết nước trên sông Nhuệ và sông Châu.

- Khu thủy lợi Tả Đáy- Nam Châu: Nằm trọn trong hệ thống 6 trạm bơm điện Hà Nam nên vấn đề tưới tiêu chủ yếu là vẫn phụ thuộc vào hệ thống các trạm bơm lớn: Như Trác, Hữu Bị, Cốc Thành, Vĩnh Trị, Cổ Đam, Nhân Tràng. Ngoài ra ở khu vực thuộc tỉnh Hà Nam còn có một số trạm bơm như: Quan Trung, Đinh Xá, Triệu Xá, Võ Giang cùng hàng trăm trạm bơm nhỏ khác có nhiệm vụ hỗ trợ tưới tiêu cho các trạm bơm lớn. Khu vực có một mạng lưới kênh mương dày đặc. Hiện tại các công trình thủy lợi trong khu vực đã tưới được cho 11.685ha đất chiếm 43,1% diện tích canh tác, tiêu được cho 23.037ha chiếm 53,6% diện tích cần tiêu.

- Công trình phòng chống lũ: Là một tỉnh chiêm trũng, lại có một phần diện tích nằm trong vùng phân lũ sông Đáy nên công trình phòng chống lũ của tỉnh có một vị trí hết sức quan trọng. Hệ thống đê điều toàn tỉnh hiện có: 88,1km đê cấp 1 và cấp 2, có 222,5 km đê cấp 3,4,5 và 44,5 km bao trong vùng phân chậm lũ. Ngoài ra còn có 232 công dưới đê, 35 tuyến kè trên hệ thống đê trung ương, đê địa phương và đê vùng phân chậm lũ.

➤ Định hướng phát triển thủy lợi tỉnh Hà Nam đến năm 2020:

Nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi hiện có, phục vụ đa mục tiêu là giải pháp nhanh và hiệu quả hiện nay. Trên cơ sở quy hoạch phát triển nông nghiệp cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi, từng vùng để xây dựng chiến lược đầu tư cho thủy lợi theo hướng lâu dài, có ưu tiên. Trước hết, bảo đảm các công trình thủy lợi đầu mối được vận hành hiệu quả, nâng cao năng lực tưới, tiêu và tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương ở những vùng sản xuất chuyên canh.

12. Ngành nghề chế biến và cơ sở hạ tầng nông nghiệp

➤ Thực trạng ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Nam:

Phát triển ngành nghề nông thôn đã góp phần quan trọng trong công tác giải quyết việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở Hà Nam. Ngoài những nghề đã duy trì và phát triển nghề như nghề mộc, thêu ren, mây giang đan, dệt lụa, nấu rượu,... tỉnh Hà Nam còn khuyến khích đưa thêm nghề mới nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động như khám võ trướng, đan bèo, bẹ chuối, ghép nửa sơn mài.... Đến nay, Hà Nam hiện có 163 làng nghề và làng nghề, trong đó có 42 làng nghề đã được công nhận, 21 làng nghề truyền thống, 22 làng nghề TTCN và 78 làng có nghề TTCN.

Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh cũng phát triển mạnh mẽ được chia thành các ngành thủ công mỹ nghệ, dệt may, chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến gỗ, mây tre đan, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng... Tuy nhiên các làng nghề cũng như các doanh nghiệp luôn đối mặt với những khó khăn như thiếu vốn hoạt động, không tiêu thụ được sản phẩm làng nghề, thiếu thợ chuyên ngành có trình độ cao.

➤ Định hướng đến năm 2020:

Để khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn của địa phương, giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Hà Nam sẽ tăng cường hỗ trợ phát triển về vốn, mặt bằng sản xuất, máy móc, thiết bị, thành lập hiệp hội, xây dựng thương hiệu, áp dụng công nghệ mới, cải tiến mẫu mã sản phẩm, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh tại các làng nghề, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành nghề nông thôn. Đặc biệt, chú trọng phát triển các làng nghề có giá trị sản xuất, xuất khẩu lớn, thu hút nhiều đối tượng lao động, làng nghề gắn với du lịch và cần phải có biện pháp hạn chế, xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

➤ Cơ sở hạ tầng nông nghiệp:

Hệ thống đường giao thông trong tỉnh kết nối với các tuyến đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình, QL 1, đường tránh QL1, QL 21... tạo ra hệ thống giao thông khép kín, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển. Về hạ tầng giao thông nông thôn, thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới, toàn tỉnh đã nâng cấp được 1.012 km đường xã, nền đường rộng trung bình 3,5 - 7m, mặt đường rộng 2,5 - 5 m, chất lượng đường đạt mức trung bình; 2447 km đường thôn xóm mặt đường chủ yếu là bê tông xi măng chất lượng tốt; 1.051 km đường trục chính ra đồng chủ yếu là mặt đường cấp phối đá dăm và một phần đã được bê tông hóa.

➤ Giải pháp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn đến năm 2020:

Thu hút tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng... Khuyến khích, thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp đặc biệt hạ tầng của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

13. Tình hình phát triển nông thôn

Trong giai đoạn 2010-2015, tỉnh đã huy động trên 7.500 tỷ đồng để xây dựng nông thôn mới. Chính nhờ đó sau gần 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn ở tỉnh Hà Nam được đổi mới, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập, điều kiện sống của nhân dân được nâng cao, số hộ nghèo giảm đáng kể. Toàn tỉnh hiện có 33 xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 11 xã so với mục tiêu của Nghị quyết, có 65 xã đạt từ 11 tiêu chí trở lên.

Để đạt mục tiêu xây dựng các vùng nông thôn phát triển theo hướng tiên tiến, hiện đại, tỉnh đã đề ra mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2016-2020 như sau: đến năm 2020, có 3 huyện và 75 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới. Cùng với đó là nhà văn hoá thôn đảm bảo đủ điều kiện hoạt động; xây dựng trung tâm văn hoá - thể thao đủ điều kiện hoạt động; tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm từ 0,5% trở lên; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm từ 0,4%/năm trở lên; xây dựng nghĩa trang tại 100% xã; xây dựng hệ thống thoát nước thải tại trung tâm xã và cụm dân cư với 95% số hộ gia đình nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh; 100% dân số đô thị được dùng nước sạch; 90 – 5% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý ở đô thị và nông thôn đạt 70 – 80%; trên % cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường;

Trong thời gian tới nhiều chương trình sẽ được tỉnh triển khai nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng NTM Hà Nam tiên tiến, hiện đại. Tỉnh sẽ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đảm bảo các tiêu chí đồng bộ, hiện đại và tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp chế biến, dịch vụ. Môi trường sống tại khu vực nông thôn được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững và đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

14. Trang đầu tư nông nghiệp và xuất khẩu nông sản

Năm 2015, tổng vốn đầu tư theo giá so sánh thực hiện cho các ngành kinh tế là 15.183.084 triệu đồng, tăng 6.207.526 triệu đồng so với năm 2010, trong đó đầu tư cho ngành nông lâm nghiệp thủy sản chỉ là 964.021 triệu đồng (chiếm 6,35% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh).

Giai đoạn 2015 - 2020, Hà Nam tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, thế mạnh: Ưu tiên nguồn vốn phát triển kết cấu hạ tầng, trước hết đầu tư tập trung vào những vùng sản xuất hàng hoá, những chương trình sản xuất nông, hỗ trợ đầu tư cho phát triển ngành nghề nông thôn, hỗ trợ đầu tư chương trình nông nghiệp công nghệ cao. Vốn đầu tư cần tập trung vào khâu sản xuất giống cây trồng (lúa chất lượng cao, cây ăn quả...), giống vật nuôi (lợn hướng nạc, giống bò thịt, bò sữa, gia cầm siêu thịt, siêu trứng)...

Giá trị hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn năm 2015 của tỉnh đạt 1.044,5 triệu USD, trong đó giá trị xuất khẩu hàng nông sản đạt 3,1 triệu USD, hàng tiêu thụ công nghiệp 1.040,3 triệu USD.